

Số: /BC-UBND

Đoàn Kết, ngày tháng 9 năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính quý III, phương hướng nhiệm vụ quý IV năm 2022 (Số liệu tính từ ngày 10/6/2022 đến ngày 10/9/2022)**

Thực hiện Công văn số 508/UBND-VP ngày 01/3/2022 của UBND tỉnh Hải Dương về việc triển khai thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính (CCHC) định kỳ, Ủy ban nhân dân xã Đoàn Kết báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý III, phương hướng nhiệm vụ quý IV năm 2022 như sau:

#### **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

##### **1. Ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính**

- Thực hiện kế hoạch CCHC năm 2022 UBND xã tiếp tục triển khai các nhiệm vụ được phân công theo tiến độ, đảm bảo chất lượng.

- Mức độ hoàn thành kế hoạch: Theo kế hoạch có 07 nhiệm vụ chính với 28 nhiệm vụ cụ thể. Tính đến thời điểm 10/9/2022 đã hoàn thành 25/28 nhiệm vụ mà kế hoạch đã đề ra từ đầu năm (đạt 89,3%).

##### **2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính**

- Xác định chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính là một trong các giải pháp trọng tâm, UBND xã đã chỉ đạo các cán bộ, công chức tập trung thực hiện các nhiệm vụ đã nêu trong kế hoạch cải cách hành chính, phân công trách nhiệm, quy định mối quan hệ phối hợp của bộ phận nhằm bảo đảm cho việc quản lý, điều hành công tác cải cách hành chính thống nhất, đồng bộ, phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện.

- Ngoài ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2022 để triển khai, thực hiện, trong quý III năm 2022, UBND xã đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo tổ chức thực hiện trên các lĩnh vực làm cơ sở triển khai đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trên địa bàn. Đăng ký danh sách cán bộ, công chức liên quan đến công tác chứng thực điện tử, thu phí tại bộ phận một cửa, tài khoản ngân hàng Vietinbank để được hỗ trợ thanh toán phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính đối với các TTHC.

##### **3. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính**

- Đài truyền thanh xã tiếp tục duy trì phát sóng thường xuyên các chuyên mục về cải cách hành chính để tuyên truyền, cung cấp thông tin, nâng cao nhận

thức cho người dân, doanh nghiệp và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn. Xã thường xuyên kịp thời cập nhật các thủ tục hành chính đã được sửa đổi, bổ sung lên Trang thông tin điện tử; niêm yết công khai, minh bạch các thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả, sử dụng có hiệu quả tiện ích của các mạng xã hội có nhiều người sử dụng (Zalo, Facebook,...) để tăng cường tuyên truyền, cung cấp thông tin chính sách, quy định mới và hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân có thể tra cứu, tìm hiểu thông tin một cách nhanh nhất.

- Trong quý III năm 2022 đã phát 02 tin bài trên hệ thống đài truyền thanh; đăng tải 01 tin bài trên Trang thông tin điện tử xã, tuyên truyền hướng dẫn công dân kích hoạt tài khoản định danh điện tử và đã tiến hành tuyên truyền các khẩu hiệu về công tác cải cách hành chính trên bảng điện tử tại trụ sở UBND như:

+ Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước.

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

+ Nâng cao ý thức trách nhiệm trong quá trình thực thi công vụ là nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

+ Cán bộ và nhân dân xã Đoàn Kết chung tay thực hiện cải cách thủ tục hành chính.

+ Sự hài lòng của nhân dân là mục tiêu phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Cải cách thể chế**

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Việc ban hành các văn bản của HĐND, UBND xã được triển khai theo đúng quy định từng bước nâng cao chất lượng, tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ và mang tính khả thi cao. Từ ngày 10/6/2022 đến ngày 09/9/2022, HĐND và UBND xã đã ban hành 94 văn bản các loại, không có văn bản quy phạm pháp luật.

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: Trong quý III qua kiểm tra chưa phát hiện có văn bản trái với quy định của pháp luật, một số văn bản chủ yếu sai về thể thức, kỹ thuật trình bày nên đã đề nghị tự sửa đổi cho đúng theo quy định.

- Công tác tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật được gắn kết chặt chẽ với công tác xây dựng pháp luật và thực hiện ngày càng nền nếp theo Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 28/01/2022 về thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính**

- Tiếp tục thực hiện tốt công việc đột phá năm 2022: Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính; nâng cao vai trò trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi công vụ; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động Bộ phận Một cửa của xã Đoàn Kết.

### *a. Về công tác kiểm soát thủ tục hành chính*

- UBND xã đã tiến hành rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo nội dung kế hoạch đã đề ra; đồng thời xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm đối với các bộ phận, đơn vị trong việc xây dựng văn bản triển khai thực hiện nhiệm vụ; kiểm soát việc thực hiện công bố thủ tục hành chính; rà soát các quy định hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nghiên cứu đề xuất cải tiến thủ tục hành chính; tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân tổ chức về quy định hành chính; nâng cao năng lực cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; công tác kiểm tra, giám sát; chế độ thông tin báo cáo.

- Trong quý III năm 2022, UBND xã không nhận được trường hợp khiếu nại cũng như các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã.

### *b. Về công bố, công khai thủ tục hành chính*

- Tổng số TTHC/danh mục TTHC được công bố gồm 143 thủ tục; trong đó TTHC được công khai: 143 thủ tục.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của xã: 143 thủ tục;

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã tiếp tục công khai đầy đủ bộ thủ tục hành chính và kịp thời niêm yết các thủ tục hành chính khi có sửa đổi, bổ sung của các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết, mức thu phí, lệ phí, đường dây nóng tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và trên Trang thông tin điện tử xã giúp cho tổ chức và cá nhân dễ dàng tìm hiểu và thực hiện khi có yêu cầu.

- Mối quan hệ giữa bộ phận chuyên môn với tổ chức, công dân được cải thiện, thông qua các biện pháp như cải cách TTHC gắn liền với thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; công khai hóa, minh bạch hóa các quy định về TTHC; TTHC được rà soát, sửa đổi, bãi bỏ theo hướng đơn giản hóa, thuận tiện cho người dân và các tổ chức.

### *c. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông*

Tiếp tục duy trì nề nếp thực hiện cơ chế một cửa tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thị trấn trong giải quyết các thủ tục hành chính đối với tổ chức, cá nhân đảm bảo đúng quy định: có 143/143 TTHC (tỷ lệ 100%) được đưa vào thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Đưa 132 TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 (trong đó: 86 TTHC mức độ 3, 46 TTHC mức độ 4).

Triển khai công tác chứng thực điện tử cho cá nhân tổ chức trên cổng dịch vụ công Quốc gia.

Tính từ ngày 10/6/2022 đến 10/9/2022, Bộ phận Một cửa UBND xã Đoàn Kết đã tiếp nhận 928 hồ sơ (gồm: tiếp nhận online: 878 hồ sơ chiếm 94,6%, tiếp nhận trực tiếp: 50 hồ sơ chiếm 5,4%). Trong đó:

- Lĩnh vực Hộ tịch tiếp nhận: 99 hồ sơ (trong đó online 84 hồ sơ);
- Lĩnh vực Chứng thực tiếp nhận: 790 hồ sơ (trong đó online 779 hồ sơ);
- Lĩnh vực NCC tiếp nhận: 24 hồ sơ (trong đó online 0 hồ sơ);
- Lĩnh vực Bảo trợ xã hội: 15 hồ sơ (trong đó online 15 hồ sơ);

Có 928 hồ sơ đã được cập nhật lên phần mềm một cửa dùng chung của tỉnh Hải Dương. 100% hồ sơ được trả trước hạn và đúng hạn, không có hồ sơ trễ hạn. Tỷ lệ hài lòng đạt 100%.

Triển khai công tác số hóa hồ sơ trong giải quyết TTHC tại bộ phận một cửa. Kết quả: trong kỳ đã tiếp nhận 928 hồ sơ. Đã giải quyết trả kết quả 921 hồ sơ. Trong đó đã số hóa kết quả giải quyết là 569 hồ sơ, đạt 61,78%.

Đến nay, cơ sở vật chất, trang thiết bị tại xã được đầu tư cơ bản và hiện đại đáp ứng nhu cầu làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy**

- UBND xã thực hiện chức năng nhiệm vụ đảm bảo đúng quy định của tỉnh, của huyện; thực hiện tốt các quy chế của cơ quan như Quy chế làm việc; Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan UBND thị trấn; Quy chế thi đua, khen thưởng,... Việc quản lý biên chế hành chính đã thực hiện đúng theo các quy định hiện hành của Nhà nước. UBND xã đã làm thủ tục đề nghị UBND huyện giải quyết chế độ nghỉ hưu cho cán bộ, công chức theo Nghị định 46/2010/NĐ-CP cho 01 đ/c Nguyễn Văn Nguyễn – Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh xã từ ngày 01/9/2022.

- Thực hiện tốt việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước về lĩnh vực quản lý tổ chức bộ máy, công vụ, cán bộ, công chức, lĩnh vực quản lý ngân sách nhà nước, lĩnh vực quản lý đầu tư và xây dựng và các quy định về phân cấp quản lý đất đai nhằm phân định rõ nhiệm vụ và quyền hạn, thẩm quyền và trách nhiệm giữa xã với chính quyền các cấp gắn với hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế, bảo đảm phát huy tính chủ động, sáng tạo.

- Thực hiện nghiêm túc các kế hoạch của huyện, của xã về thực hiện Nghị quyết số 18 và Nghị quyết số 19 Hội nghị Trung ương lần thứ 6 Khóa XII của BCH TW Đảng.

- Triển khai bầu cử trường thôn nhiệm kỳ 2022-2025 đảm bảo theo đúng quy định.

#### **4. Cải cách chế độ công vụ**

- Hiện nay, việc sắp xếp, bố trí số lượng, chất lượng cán bộ, công chức đúng số lượng theo quy định của pháp luật. Tính đến nay, tổng số cán bộ, công chức xã được giao 20 người, hiện có mặt 17 người (thiếu 03 biên chế), trong đó: cán bộ có 09 người, công chức 08 người. Số lượng cán bộ đạt chuẩn có 08/9 người, đạt 88/89%; Số lượng công chức đạt chuẩn 08/08 người, đạt 100%. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng được chuẩn hóa về mặt chuyên môn nghiệp vụ, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

- Thực hiện các quy định về quản lý, giải quyết các chế độ, chính sách khác cho cán bộ, công chức theo đúng quy định. Thường xuyên cập nhật các thông tin của CBCC khi có sự thay đổi về chức vụ, trình độ chuyên môn, hệ số lương... vào phần mềm quản lý CBCC phục vụ công tác quản lý, khai thác.

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng chính phủ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi nhiệm vụ năm 2022, chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ đối với cán bộ, công chức, người lao động thuộc UBND xã.

#### **5. Cải cách tài chính công**

- Tiếp tục thực hiện tốt Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Việc thực hiện chế độ tự chủ tự chịu trách nhiệm đã tăng tính công khai minh bạch, công khai, dân chủ, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước và các nguồn thu hợp pháp khác; tiết kiệm được kinh phí để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, đồng thời giúp UBND xã chủ động hơn trong sử dụng kinh phí, đáp ứng kịp thời những yêu cầu của công tác chuyên môn.

- Căn cứ Luật Ngân sách và các quy định của Chính phủ về quản lý tài chính công, UBND xã tiếp tục nâng cao hiệu quả lập và chấp hành dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; thực hiện quản lý, sử dụng, thanh quyết toán theo đúng chế độ quy định; sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm. Thực hiện công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 và công khai dự toán ngân sách năm 2022 của xã theo đúng quy định.

- Việc rà soát xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị: UBND xã đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Việc sử dụng biên chế, kinh phí nhà nước, mua sắm, sửa chữa, văn phòng phẩm... và sử dụng tài sản công đúng mục đích, có hiệu quả và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

#### **6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số**

- Triển khai thực hiện và từng bước nâng cao hiệu quả ứng dụng hệ điều hành tác nghiệp tại UBND xã và tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cán bộ, công chức và đã có sự chuyển biến tích cực trong việc đẩy mạnh sử dụng văn bản điện tử.

- Tình hình sử dụng phần mềm dùng chung:

+ Đã cấp 20 tài khoản hòm thư công vụ, 12 USB ký số cho cán bộ công chức.

+ 100% các văn bản phát hành điện tử trên Hệ thống QLVB điều hành tác nghiệp, sử dụng chữ ký số.

+ Chữ ký số: UBND thực hiện chữ ký số 100%; công chức Văn phòng HĐND-UBND xã làm đầu mối quản lý việc sử dụng chữ ký số chuyên dùng tại UBND. Việc quản lý và sử dụng Chữ ký số được thực hiện theo Thông tư số 85/2019/TT-BQP ngày 04/12/2019 của Bộ Quốc phòng.

+ 100% hồ sơ tiếp nhận giải quyết TTHC tại bộ phận một cửa được cập nhật trên phần mềm một cửa tỉnh Hải Dương.

+ Dịch vụ công quốc gia, dịch vụ công tỉnh Hải Dương.

+ Phần mềm quản lý văn bản và điều hành: Việc trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện thường xuyên (tiếp nhận 717 văn bản đến); 94 văn bản đi (đạt 100%) được gửi qua mạng.

+ Trang thông tin điện tử của xã: hoạt động ổn định, cung cấp tin bài thường xuyên và có sự tham gia của các bộ phận chuyên môn, đơn vị trực thuộc UBND xã; đảm bảo đúng tiêu chí Chính quyền điện tử cấp xã.

+ Tình hình thực hiện ISO 9001:2015: UBND xã đã ban hành Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 05/03/2022 Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Ưu điểm**

- Lãnh đạo xã quyết tâm thực hiện công tác cải cách hành chính, đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

- Các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của xã đều được quy trình theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 và đưa vào áp dụng mang lại hiệu quả thiết thực trong việc tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo kịp thời, khoa học, đúng lộ trình, thời gian theo quy định.

- Công tác kiểm soát thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên, không ngừng nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và công dân trong giao dịch thủ tục hành chính; các thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết

đều được niêm yết công khai, minh bạch tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã trên Trang thông tin điện tử để thuận tiện cho người dân truy cập.

- Công tác tuyên truyền về cải cách hành chính được tổ chức thường xuyên dưới nhiều hình thức; Ban biên tập trang thông tin điện tử xã cập nhật nhiều tin bài về cải cách hành chính để người dân, tổ chức có thể nắm bắt và hiểu rõ hơn về công tác cải cách hành chính, đặc biệt là các thủ tục hành chính.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước hạn và đúng hạn ở Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã đều đạt ở mức cao; 100% hồ sơ của tổ chức, công dân khi hoàn thành được hướng dẫn đánh giá mức độ hài lòng trực tuyến tại hệ thống Dịch vụ công; 100% hồ sơ đạt mức “hài lòng”.

## **2. Hạn chế**

Hoạt động hướng dẫn, hỗ trợ của Tổ hỗ trợ chuyên đổi số cộng đồng không còn được duy trì thường xuyên như thời gian đầu triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 tại Bộ phận Một cửa xã.

- Một số cán bộ công chức tiếp thu ứng dụng công nghệ thông tin còn chậm, quen nếp cũ; nhất là việc chuyển từ ký văn bản trực tiếp sang ký văn bản điện tử và việc thay đổi sử dụng hòm thư công vụ thay thế hòm thư gmail quen thuộc.

- Một số trang thiết bị tại Bộ phận Một cửa như: máy tính, máy in phục vụ vẫn chưa được nâng cấp; cấu hình máy thấp, hoạt động kém hiệu quả...

- Vẫn còn đề hồ sơ quá hạn trên phần mềm.

## **3. Nguyên nhân của hạn chế**

- Chất lượng đội ngũ công chức chưa đồng đều, một số công chức còn thiếu chuyên nghiệp trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để đổi mới phương thức làm việc, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới;

- Do thói quen, nhiều công dân chưa có điện thoại thông minh, trình độ và điều kiện sử dụng thiết bị công nghệ thông tin của người dân trên địa bàn xã còn nhiều khó khăn để thực hiện các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4.

## **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ IV NĂM 2022**

- Tiếp tục triển khai, thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch cải cách hành chính đã đề ra.

- Xây dựng báo cáo kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022.

- Chú trọng trong việc tuyên truyền, hướng dẫn, vận động các cá nhân, tổ chức đăng ký tài khoản cá nhân, tổ chức trên dịch vụ công quốc gia và dịch vụ công tỉnh Hải Dương, tích cực thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

- Tăng cường chỉ đạo các công chức chuyên môn UBND xã được giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC sử dụng chữ ký số và thực hiện số hóa hồ sơ giải quyết TTHC đạt tỷ lệ huyện giao.

- Tăng cường công tác rà soát các thủ tục hành chính và niêm yết đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã và trên Trang thông tin điện tử, những nơi tiếp xúc với tổ chức, công dân, nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước.

- Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế khoán theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan chuyên môn. Triển khai thực hiện các quy định về quản lý tài sản công tại UBND xã.

- Tổ chức thực hiện công tác chấm điểm cải cách hành chính năm 2022.

- Tổ chức đánh giá, phân loại cán bộ công chức theo các văn bản chỉ đạo hướng dẫn của cấp trên

- Tiếp tục ban hành và cập nhật đầy đủ các quy trình ISO, đảm bảo 100% TTHC được xây dựng quy trình và công bố. Theo dõi và cập nhật, xử lý ý kiến chỉ đạo của UBND huyện giao trên phần mềm đúng quy trình.

## **V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

- Đề nghị Đảng ủy, HĐND, UBND xã tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền việc cải cách hành chính và ứng dụng CNTT trên địa bàn xã.

- Tiếp tục phát huy vai trò của Tổ chuyên đổi số cộng đồng; tăng cường hướng dẫn người dân và doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số; lập tài khoản Cổng dịch vụ công quốc gia; cổng dịch vụ công Hải Dương; cổng dịch vụ công Bộ Công an để thực hiện nộp hồ sơ online (DVC mức độ 3, 4), chứng thực điện tử từ bản chính;

- Công chức Bộ phận Một cửa thực hiện nghiêm các quy định về tiếp nhận, lưu trữ hồ sơ theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP; Nghị định 107/2021/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 61/2018/NĐ và các quy định của ngành dọc cấp trên; gồm: Hồ sơ TTHC tiếp nhận của công dân; Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Phiếu đánh giá sự hài lòng của tổ chức, công dân; Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; Phiếu xin lỗi và hẹn ngày trả kết quả (nếu có)...; các kế hoạch, báo cáo, biểu mẫu về công tác kiểm soát TTHC, thông báo công khai danh mục TTHC ;

- Đề nghị các bộ phận chuyên môn tổ chức rà soát, niêm yết công khai toàn bộ danh mục TTHC theo quy định tại Bộ phận Một cửa xã; đăng trên Cổng thông tin điện tử của xã theo quy định tại Thông tư 02/2017/TT-VPCP; xong trước ngày 05/9/2022;

- Tăng cường thực hiện các giải pháp đẩy mạnh, nâng cao tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo hướng dẫn tại Công văn 9318/VPCP-KSTT



ngày 21/12/2021 của Văn phòng Chính phủ; công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa thực hiện cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin của công dân, tổ chức (Số định danh cá nhân hoặc số CMT/ CCCD hoặc mã số thuế, ngày tháng cấp) đúng theo quy định;

- Triển khai cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP và hướng dẫn tại Công văn số 1488/STP-VP ngày 19/8/2022 của Sở Tư pháp; hướng dẫn kích hoạt tài khoản định danh và xác thực điện tử trên ứng dụng VNID theo yêu cầu tại Công văn số 2518/CQTTTCT ngày 10/08/2022 của Công an tỉnh;

- Tiếp tục chỉ đạo sự tham gia thường xuyên của Tổ hỗ trợ chuyển đổi số cộng đồng trong việc hướng dẫn công dân lập tài khoản dịch vụ công, nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3 và 4; thực hiện chứng thực điện tử từ bản chính; hướng dẫn công dân nộp hồ sơ trực tuyến, thực hiện các giao dịch online trên môi trường điện tử bằng chính tài khoản cá nhân của công dân.

- Giao các cơ quan thường trực: Văn phòng HĐND&UBND, Công chức phụ trách Văn hóa - Thông tin, Công chức Tư pháp - Hộ tịch tăng cường phối hợp triển khai thực hiện; báo cáo kết quả về Chủ tịch UBND xã, để có ý kiến chỉ đạo kịp thời, hiệu quả.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính quý III và phương hướng nhiệm vụ quý IV năm 2022 của UBND xã Đoàn Kết./.

***Nơi nhận:***

- Phòng Nội vụ;
- TT. Đảng ủy xã
- TT. HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Xuân Luân**

**PHỤ LỤC****Thông kê kết quả thực hiện công tác CHCC 6 tháng đầu năm 2022**  
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày 12/9/2022)**Biểu mẫu 1**  
**Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	<b>Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành</b> <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	25	
2.	<b>Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm</b> <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	89.3	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	28	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	25	
3.	<b>Kiểm tra CCHC</b>		0	
3.1.	Số phòng chuyên môn đã kiểm tra	Phòng, đơn vị		
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề qua kiểm tra	%		
3.3.1.	<i>Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra</i>	<i>Vấn đề</i>		
3.3.2.	<i>Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong</i>	<i>Vấn đề</i>		
4.	<b>Thực hiện nhiệm vụ của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao</b>		0	
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
4.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
5.	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</b>	Có = 1; Không = 0	1	
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Phiếu	1.299	
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
6.	<b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp</b>	Không = 0 Có = 1	0	

**Biểu mẫu 2**  
**Cải cách thể chế**

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
<b>1.</b>	<b>Tổng số Văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do địa phương ban hành</b>		0	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành Văn bản	Văn bản	0	
<b>2.</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>		0	
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản	0	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	<i>Văn bản</i>		
2.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>		
<b>3.</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>		0	
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản	0	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	<i>Văn bản</i>		
3.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>		

**Biểu mẫu 3**  
**Cải cách thủ tục hành chính**

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
<b>1.</b>	<b>Thống kê TTHC</b>	<b>Thủ tục</b>		
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	143	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	143	
<b>2.</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	17	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	17	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	50	
<b>3.</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	928	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	928	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	

**Biểu mẫu 4**  
**Cải cách bộ máy hành chính nhà nước**

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
<b>1.</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>			
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã hoàn thành việc sắp xếp cơ cấu tổ chức và bố trí các bộ phận chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
<b>2.</b>	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	20	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	17	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	02	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	01	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		

**Biểu mẫu 5**  
**Cải cách chế độ công vụ**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
<b>1.</b>	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
<b>2.</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>		0	
2.1.	Số công chức được tuyển dụng <i>(thi tuyển, xét tuyển)</i>	Người		
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người		
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng <i>(thi tuyển, xét tuyển)</i>	Người		
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
<b>3.</b>	<b>Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển <i>(Lũy kế từ đầu năm)</i></b>	Người	0	
<b>4.</b>	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật <i>(cả về Đảng và chính quyền)</i>.</b>		0	
4.1.	Số lãnh đạo cấp huyện bị kỷ luật	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc huyện bị kỷ luật	Người		
4.3.	Số lãnh đạo cấp xã bị kỷ luật	Người		
4.4.	Số công chức <i>(huyện và xã)</i> bị kỷ luật	Người		
4.5.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		

**Biểu mẫu 6**  
**Cải cách tài chính công**

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
<b>1.</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công</b>	<b>%</b>		
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	4.000.000.000	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	5.700.000.000	
<b>2.</b>	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>		<b>0</b>	
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		

**Biểu mẫu 7**  
**Xây dựng chính quyền điện tử, Chính quyền số**

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	<b>Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất</b>	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	<b>Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến</b> <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	<b>Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia</b>	%	100	
4.	<b>Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)</b>	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	<b>Số liệu về trao đổi văn bản điện tử</b>			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương ( <i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử.</i> )	%	100	
5.2.3.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.3.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100	
6.	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.4.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	86	



STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
6.4.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	86	
6.4.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	16	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.5.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	46	
6.5.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	46	
6.5.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	92,3	
6.6.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	132	
6.6.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	132	
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	34,12	
6.7.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	928	
6.7.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	878	
6.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	0	
6.8.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục		
6.8.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục		